TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **266**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc.

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3186/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đài T, sinh năm 1995 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ việc, nguyên đơn là bà Nguyễn Đài T trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Đài T và bị đơn ông Phạm Ngọc T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 ngày 20 tháng 6 năm 2019. Trong quá trình chung sống, bị đơn không đóng góp tiền để xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con cái, không dành thời gian chăm sóc gia đình dẫn đến tranh cãi nhiều lần, mâu thuẫn không thể giải quyết, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, không còn yêu thương gì đến nhau. Vợ chồng cũng đã cho nhau cơ hội sửa sai, hàn gắn nhiều lần nhưng cũng không thể khắc phục. Đến tháng 10 năm 2021, nguyên đơn và bị đơn sống ly thân và bị đơn cũng không gửi tiền để chăm lo cho hai con. Nay nguyên đơn nhận thấy tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Ngọc T1.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Phạm Trà A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2019, giới tính: Nữ và Phạm Kim N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021, giới tính: Nữ. Hiện nay hai con đều đang ở với nguyên đơn và hoàn toàn do nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn đang làm việc Công ty X với mức lương trung bình là 15.000.000 đồng/tháng và nguyên đơn đang cho thuê căn nhà tại địa chỉ số Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phồ Hồ Chí Minh với giá thuê 12.000.000 đồng/tháng. Với thu nhập hiện tại, nguyên đơn có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm lo cho hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho các con chung số tiền 10.000.000 đồng/tháng, thực hiện trước ngày 10 dương lịch hàng tháng. Nguyên đơn tự nguyện xin rút lại yêu cầu khởi kiện này theo đơn rút yêu cầu ngày 07 tháng 4 năm 2023.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn tự khai không có.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31 tháng 5 năm 2023:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

2. Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao 02 con chung tên Phạm Trà A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2019, giới tính: Nữ và Phạm Kim N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021, giới tính: Nữ cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc ông Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung số tiền 10.000.000 đồng/tháng, thực hiện trước ngày 10 dương lịch hàng tháng.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn tự khai không có.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con chung mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Đài T khởi kiện tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T1 cư trú tại phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[4] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[5] **Yêu cầu khởi kiện số 01:** Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phồ Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách. Vợ chồng cố gắng nhưng không thể hàn gắn, hai bên không còn thực tế chung sống từ tháng 10 năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn để ổn định cuộc sống. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt là không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn không phải chứng minh lý do, mức độ mâu thuẫn cho yêu cầu ly hôn của mình. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là điều kiện để giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

[6] **Yêu cầu khởi kiện số 02:** Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn.

[7] Căn cứ Bản sao Trích lục khai sinh số: 1156/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2029 và Bản sao Giấy khai sinh số 293 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2021, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung gồm: Phạm Trà A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2019, giới tính: Nữ và Phạm Kim N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021, giới tính: Nữ.

[8] Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán có thể tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Công văn số:

7098/TAQ1 ngày 22 tháng 11 năm 2022 (Phiếu báo phát ngày 24 tháng 11 năm 2022) và Công văn số: 1320/TAQ1 ngày 16 tháng 3 năm 2023 (Biên bản giao nhận ngày 23 tháng 3 năm 2023) tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về xác minh quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung giữa nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 không gửi văn bản phúc đáp cho Toà án. Do đó, Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động số: 064/2020 (Mã NV: 1058) ngày 17 tháng 6 năm 2020, Sao kê tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam thể hiện nguyên đơn là người lao động của Công ty X, mức lương 5.493.000 đồng/tháng; Bản sao các sao kê tài khoản tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu của bà Cao Thị B là mẹ ruột của nguyên đơn thể hiện tiền học phí của các con chung do bà Bình hỗ trợ nộp thay cho nguyên đơn từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023. Điều này thể hiện nguyên đơn có nguồn thu nhập ổn định để thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đảm bảo các con chung có điều kiện cơ bản để phát triển, học tập bình thường. Mặt khác, trẻ Phạm Trà A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2019 vừa đủ 36 tháng tuổi và trẻ Phạm Kim N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021 chưa đủ 36 tháng tuổi, đều là nữ nên việc giao cả 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[10] Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung số tiền 10.000.000 đồng/tháng, thực hiện trước ngày 10 dương lịch hàng tháng. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn tự khai không có, trường hợp các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở.

[13] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Đài T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đài T được ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T1.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2019).

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Trà A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2019, giới tính: Nữ và Phạm Kim N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Đài T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Đài T tự khai không có.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đài T về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung số tiền là 10.000.000 đồng/tháng, thực hiện trước ngày 10 dương lịch hàng tháng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Đài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà Nguyễn Đài T đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2022/0000324 ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Đài T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- UBND phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ